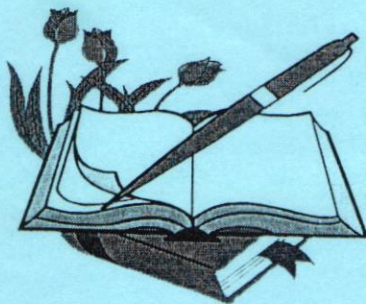


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ BẾN CÁT  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

# HỒ SƠ 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2019-2020

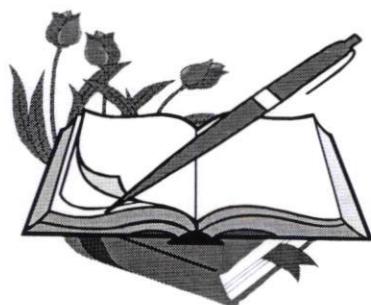


*Chánh Phú Hòa, tháng 9 năm 2019*

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ BẾN CÁT  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

---

# HỒ SƠ 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2019-2020



*Chánh Phú Hòa, tháng 9 năm 2019*

Số: 33/QĐ-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2019-2020

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét phẩm chất và năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2019-2020 gồm các ông(bà) có tên sau:

1- Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích	Hiệu trưởng	Trưởng ban.
2- Ông Nguyễn Văn Quyên	P. HT	Phó ban
3- Bà Nguyễn Kim Phụng	CT. CĐCS	Phó ban
4- Bà Nguyễn Ngọc Nga	TBTTND	Ủy viên
5- Bà Nguyễn Thanh Loan	Kế toán	Ủy viên
6- Bà Lương Thị Thanh Thảo	Văn Thư	Thư ký

**Điều 2.** Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo các văn bản hướng dẫn, dưới sự phân công của Trưởng ban.

**Điều 3.** Cán bộ giáo viên, nhân viên và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**  
Huỳnh Thị Ngọc Bích

Số: 34/QĐ - THCS CP H

Chánh Phú Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

#### Ban hành Quy chế công khai trong trường THCS Chánh Phú Hòa Năm học 2019-2020

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ công văn số 317/PGDĐT-TTr ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Phòng GD-ĐT Bến Cát về việc hướng dẫn công tác kiểm tra nội bộ trường học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành Quy chế thực hiện công khai trong Trường THCS Chánh Phú Hòa năm 2019-2020.

**Điều 2.** Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

**Điều 3.** Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường THCS Chánh Phú Hòa có trách nhiệm thi hành quyết định này.

*Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.*

**Nơi nhận:**

Như Điều 3 (để thực hiện);

Phòng GD&ĐT (báo cáo);

Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



*Huỳnh Thị Ngọc Bích*



## **QUY CHẾ**

### **Thực hiện công khai trong trường THCS Chánh Phú Hòa Năm học 2019-2020 theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34/THCSCPH ngày 03 tháng 9 năm 2019-  
2020 của Hiệu trưởng trường THCS Chánh Phú Hòa)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này quy định về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính.

- Quy chế này áp dụng đối với các hoạt động giáo dục của trường THCS Chánh Phú Hòa.

#### **Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai**

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

#### **Điều 3. Nội dung công khai**

##### **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của trường, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp; Học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10)

Công tác kiểm định cơ sở giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận mức kiểm định chất lượng

giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

## **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:**

Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng và các phòng khác tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 11)

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## **3. Công khai thu chi tài chính**

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Thông tư 36/2017/TT-BGĐT. Cụ thể:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước...Thực hiện niêm yết công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Học phí và các khoản thu các từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn và các khoản chi khác. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm.

## **Điều 4. Hình thức và thời điểm công khai**

Công khai trên trang thông tin điện tử của trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niem yết công khai tại văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Đối với nội dung các khoản thu từ học sinh phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin của nhà trường.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị, CB, GV, NV trong nhà trường**

Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung,



hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản trước 30 tháng 9 hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của hiệu trưởng**

Chỉ đạo cho tất cả giáo viên thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Quy chế này.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của tất cả giáo viên trong nhà trường. Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường.

Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho tất cả giáo viên. Thời điểm thông báo không quá 30 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của tất cả giáo viên gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo vào đầu tháng 6 hàng năm./.

---

Số: 15/KH-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện quy chế công khai năm học 2019 - 2020

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục; để người học, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội tham gia giám sát, đánh giá các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật;

Trường THCS Chánh Phú Hòa Kế xây dựng kế hoạch thực hiện công khai năm học 2019 – 2020 như sau:

#### **1. Mục đích và yêu cầu**

##### **\*Mục đích**

Thực hiện công khai trong nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

##### **\*Yêu cầu**

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của các Thông tư về công khai.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Các nội dung công khai (Theo 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017)**

##### **2.1.1. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

##### **\* Công khai về cam kết chất lượng giáo dục**

Công khai về chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt đối với học sinh của nhà trường; yêu cầu về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình; yêu cầu thái độ học tập của học sinh; kết quả đánh giá về năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được khi kết thúc năm học; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.



Số liệu công khai về cam kết chất lượng giáo dục được lấy trong chỉ tiêu phần đầu của năm học 2019-2020 theo biểu mẫu THCS-09.

**\* Công khai về chất lượng giáo dục thực tế**

Công khai về tổng số học sinh của nhà trường; số học sinh được chia theo các khối lớp; kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm, học lực và số học sinh lên lớp, thi lại, lưu ban cuối năm học; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi; số học sinh được công nhận tốt nghiệp; số học sinh thi đỗ vào các trường THPT công lập....

Số liệu công khai về chất lượng giáo dục thực tế được lấy trong báo cáo tổng kết của năm học 2018-2019 theo biểu mẫu THCS-10.

**2.1.2. Thực hiện công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

Công khai đủ về diện tích đất của trường; diện tích sân chơi của trường; diện tích đất của trường được tính bình quân/học sinh; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng; số lượng các loại thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có và còn thiếu so với nhu cầu; tường bao quanh các điểm trường; nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; nhà vệ sinh đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn quy định tại Điều lệ trường học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế,...

Số liệu công khai về cơ sở vật chất; đồ dùng, thiết bị dạy học được lấy tại thời điểm thực hiện công khai theo biểu mẫu THCS-11

**2.1.3. Công khai về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Công khai đầy đủ số lượng; trình độ đào tạo; hạng chức danh nghề nghiệp; chuẩn nghề nghiệp của toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Số liệu công khai về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được lấy tại thời điểm thực hiện công khai theo biểu mẫu THCS-12.

**2.2. Công khai thu, chi tài chính (theo TT 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017)**

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 ban hành quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2019-20201 và dự kiến cho năm học tiếp theo.

- Ngân sách nhà nước cấp (theo dự toán 2019 và 2020).

- Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và

thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính (Biểu mẫu số 02; biểu mẫu số 4 kèm trong thông tư này)

- Thực hiện niêm yết các khoản được tài trợ theo thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 ban hành quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

### **2.3. Công khai về công tác tuyển sinh**

Công khai toàn bộ hồ sơ về công tác tuyển sinh của nhà trường (tuyển học sinh vào học lớp 6 tại trường), bao gồm: Chỉ tiêu tuyển sinh; điều kiện tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; quyết định của Hiệu trưởng về thành lập Hội đồng tuyển sinh; quyết định của Hiệu trưởng hoặc phê duyệt của cơ quan quản lý cấp trên về việc công nhận học sinh trúng tuyển; danh sách học sinh đăng ký dự tuyển; danh sách học sinh trúng tuyển vào học tại trường; đồng thời nhà trường phải công khai phương án sắp xếp học sinh vào học tại các lớp học theo nguyện vọng của học sinh và quy định của nhà trường và công khai danh sách học sinh trúng tuyển theo biểu mẫu.

### **3. Về hình thức và thời điểm công khai**

#### **3.1. Hình thức công khai**

Các nội dung trên nhà trường thực hiện công khai với các hình thức sau đây:

- Công khai bằng hình thức niêm yết tại phòng họp Hội đồng giáo dục nhà trường

- Phổ biến trong cuộc họp Hội đồng nhà trường.

Đối với các khoản thu góp từ học sinh, ngoài việc công khai bằng các hình thức trên đây, nhà trường thực hiện công khai thêm bằng hình thức phổ biến trong các buổi sinh hoạt lớp và cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm học.

#### **3.2. Thời điểm công khai**

Đối với các biểu mẫu công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; dự toán thực hiện thu các khoản tiền đóng góp của học sinh trong năm học và quyết toán các khoản tiền đóng góp của học sinh (năm học trước); nhà trường thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (bắt đầu thực hiện công khai từ tháng 9/2019).

Đối với công tác tuyển sinh nhà trường thực hiện công khai từ khi có chỉ tiêu tuyển sinh và tiếp tục công khai bổ sung các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện tuyển sinh và các biểu mẫu công khai theo quy định cho đến khi công tác tuyển sinh



hoàn thành (tập hợp thành 01 bộ hồ sơ công khai về công tác tuyển sinh); sau đó công khai đủ 30 ngày từ khi hoàn thành bộ hồ sơ công khai về công tác tuyển sinh.

Đối với công khai về ngân sách nhà nước cấp và việc sử dụng ngân sách nhà nước nhà trường thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính (bắt đầu thực hiện công khai từ tháng 01/2019).

Công khai bằng hình thức niêm yết, nhà trường thực hiện niêm yết công khai ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu niêm yết công khai; nếu có thay đổi về nội dung công khai nhà trường sẽ thông báo và tiếp tục thực hiện công khai đủ 30 ngày từ ngày có thay đổi nội dung công khai.

#### **4. Biện pháp thực hiện**

##### **4.1. Hình thức công khai và thời điểm công khai**

- Công khai trong các cuộc họp phụ huynh của Nhà trường.
- Niêm yết tại trường đảm bảo cho cha mẹ học sinh dễ theo dõi và giám sát.
- Công khai vào thời điểm đầu tháng 6 và tháng 9 hàng năm và đột xuất.

##### **4.2. Thành lập ban chỉ đạo**

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

1- Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích	Hiệu trưởng	Trưởng ban.
2- Ông Nguyễn Văn Quyên	P. HT	Phó ban
3- Bà Nguyễn Kim Phượng	CT. CĐCS	Phó ban
4- Bà Nguyễn Ngọc Nga	TBTTND	Ủy viên
5- Bà Nguyễn Thanh Loan	Kế toán	Ủy viên
6- Bà Lương Thị Thanh Thảo	Văn Thư	Thư ký

#### **5. Tổ chức thực hiện**

- Thông qua Hội nghị VC, NLD đầu năm học:  
+ GV đăng ký chất lượng môn dạy, chất lượng lớp chủ nhiệm và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng HS đạt giải trong các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ CBGV.

- Tổng hợp kết quả học tập của HS vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

#### **6. Phân công nhiệm vụ**

**6.1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích- Trưởng Ban:** Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT. Trường công khai đến tất cả

toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường, PHHS. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra đối với các bộ phận thực hiện quy định về quản lý tài chính, tài sản, quản lý sử dụng kinh phí chi thường xuyên, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; quy định về công khai, việc thực hiện các khoản thu từ người học, các quy trình xã hội hoá giáo dục để đảm bảo dân chủ trong trường học và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất trường học, đồng thời tránh bức xúc trong xã hội...

**6.2. Ông Nguyễn Văn Quyên – Phó ban:** Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 09,10,11,12 và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính... và các nhiệm vụ khác khi được trường ban phân công.

**6.3. Bà Nguyễn Kim Phượng – Phó ban:** Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019-2020; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trường ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường... và các nhiệm vụ khác khi được trường ban phân công.

**6.4. Bà Nguyễn Ngọc Nga- Thành viên (Trưởng ban thanh tra nhân dân)**

Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai các khoản thu - chi; tiếp nhận tài trợ... và các nhiệm vụ khác khi được trường ban phân công.

**6.5. Bà Nguyễn Thanh Loan- Thành viên (Kế toán)** Báo cáo thu, chi tài chính... và các nhiệm vụ khác khi được trường ban phân công.

**6.6. Bà Lương Thị Thanh Thảo – Thành viên (Văn thư):** Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo... và các nhiệm vụ khác khi được trường ban phân công.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công khai của trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2019-2020, các thành viên trong Ban chỉ đạo nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (b/cáo);
- Hội đồng SP (t/hiện);
- Lưu: VT.



**Huỳnh Thị Ngọc Bích**



## BIÊN BẢN

V/v **niêm yết công khai** theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
Năm học 2019 – 2020

**I. Thời gian:** 10 giờ 30 phút ngày 28 tháng 9 năm 2019

**II. Địa điểm:** Trường THCS Chánh Phú Hòa (khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh)

**III. Thành phần:**

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích- Hiệu trưởng
2. Ông Nguyễn Văn Quyên- Phó hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Kim Phượng-Chủ tịch công đoàn
4. Bà Nguyễn Ngọc Nga- Trưởng ban Thanh tra
5. Bà Nguyễn Thanh Loan- Kế toán
6. Bà Ngô Thị Ngọc Lan- Thư kí Hội đồng

**IV. Nội dung:**

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của Trường THCS Chánh Phú Hòa theo *Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2019 – 2020;
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2018-2019 của Trường THCS Chánh Phú Hòa;
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2020-2021;
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2019-2020;

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 28 tháng 9 năm 2019 đến hết ngày 28 tháng 10 năm 2019

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường, bảng thông báo tại Phòng Giáo viên Nhà Trường, Website trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp. SĐT: 0274. 3543243

Biên bản được lập xong vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Ngô Thị Ngọc Lan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Quyên

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BAN TTND

Nguyễn Ngọc Nga



CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Kim Phượng

KẾ TOÁN

Nguyễn Thanh Loan

**Biểu mẫu 09**

( Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD-ĐT TX BẾN CÁT  
TRƯỜNG THCS CHÁNH PHÚ HÒA

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	Đại trà: Xét tuyển	Hồ sơ hợp lệ quy định	Hồ sơ hợp lệ quy định	Hồ sơ hợp lệ quy định
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	Chương trình giáo dục phổ thông.	Chương trình giáo dục phổ thông.	Chương trình giáo dục phổ thông.	Chương trình giáo dục phổ thông.
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	- Phối hợp chặt chẽ giữ nhà trường và gia đình học sinh. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường.	- Phối hợp chặt chẽ giữ nhà trường và gia đình học sinh. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường.	- Phối hợp chặt chẽ giữ nhà trường và gia đình học sinh. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường.	- Phối hợp chặt chẽ giữ nhà trường và gia đình học sinh. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường.
IV	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	- GD NGLL, dã ngoại. - GD kỹ năng sống cho học sinh.	- GD NGLL, dã ngoại. - GD kỹ năng sống cho học sinh.	- GD NGLL, dã ngoại. - GD kỹ năng sống cho học sinh.	- GD NGLL, dã ngoại. - GD kỹ năng sống cho học sinh. - GD hướng nghiệp cho học sinh.
V	<b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	- HL: Khá, giỏi: 35%; Yếu kém: dưới 5%	- HL: Khá, giỏi: 35%; Yếu kém: dưới 5%	- HL: Khá, giỏi: 35%; Yếu kém: dưới 5%	96% TN THCS

		- HK:90% tốt trở lên, Tb dưới 5%	- HK:90% tốt trở lên, Tb dưới 5%	- HK:90% tốt trở lên, Tb dưới 5%	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	95% HS lên lớp thẳng	95% HS lên lớp thẳng	95% HS lên lớp thẳng	- 70% HS vào lớp 10. - 30% vào trung cấp nghề hoặc TTGD TX

Chánh Phủ Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2019

Thu trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



*Huyền Thị Ngọc Bích*

**Biểu mẫu 10**

( Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD-ĐT TX BẾN CÁT  
TRƯỜNG THCS CHÁNH PHÚ HÒA

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	778	249	199	159	171
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	606 (77.89%)	198 (79.52%)	159 (79.90%)	127 (79.87%)	122 (71.35%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163 (20.95%)	49 (19.68%)	37 (18.59%)	31 (19.50%)	46 (26.90%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1.16%)	2 (0.80%)	3 (1.51%)	1 (0.63%)	3 (1.75%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	778	249	199	159	171
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	119 (15.30%)	43 (17.27%)	33 (16.58%)	24 (15.09%)	19 (11.11%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	249 (32.01%)	67 (26.91%)	69 (34.67%)	59 (37.11%)	54 (31.58%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	290 (37.28%)	95 (38.15%)	70 (35.18%)	58 (36.48%)	67 (39.18%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	111 (14.27%)	42 (16.87%)	25 (12.56%)	18 (11.32%)	26 (15.20%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1.16%)	2 (0.80%)	2 (1.01%)	0 (0%)	5 (2.92%)
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	768	245	196	159	168
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	752 (97.92%)	239 (97.55%)	195 (99.49%)	156 (98.11%)	162 (96.43%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	153 (19.92%)	51 (20.82%)	53 (27.04%)	28 (17.61%)	21 (12.50%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	276 (35.94%)	82 (33.47%)	76 (38.78%)	62 (38.99%)	56 (33.33%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	35 (4.56%)	22 (8.98%)	5 (2.55%)	8 (5.03%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	16 (2.08%)	6 (2.45%)	1 (0.51%)	3 (1.89%)	6 (3.57%)
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	606 (77.89%)	606 (77.89%)	606 (77.89%)	606 (77.89%)	606 (77.89%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0



6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0.91%)	2 (0.82%)	1 (0.51%)	1 (0.63%)	3 (1.79%)
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	768	245	196	159	168
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>					168
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>					162
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					21 (13.0%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					56 (34.6%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					85 (52.5%)
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b> (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	404/364	138/107	96/100	78/81	92/76
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	11	5	2	3	1

Chánh Phủ Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



*Huỳnh Thị Ngọc Bích*

**Biểu mẫu 11**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN CÁT  
TRƯỜNG THCS CHÁNH PHÚ HÒA  
THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020 924/23**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	23	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	23	1,19 m <sup>2</sup> /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	0,69 m <sup>2</sup> /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40,17	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	0	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	9.307m <sup>2</sup>	10,07 m <sup>2</sup> /HS
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2.160m <sup>2</sup>	2,33 m <sup>2</sup> /HS
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	1,19 m <sup>2</sup> /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	64 m <sup>2</sup>	1,59 m <sup>2</sup> /HS
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	84 m <sup>2</sup>	2,09 m <sup>2</sup> /HS
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	Phòng truyền thống: 67,2 m <sup>2</sup> Phòng hoạt động Đoàn Đội : 26,4 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6: 9 lớp	8	1 bộ/lớp



1.2	Khối lớp 7: 8 lớp	6	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8: 6 lớp	5	2 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9: 5 lớp	4	2 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6: 9 lớp		0 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7: 8 lớp		0 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8: 6 lớp		0 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9: 5 lớp		0 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	156	1 học sinh/1 bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	1/23
2	Cát xét	2	2/23
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/23
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	21/23
5	Thiết bị khác...		

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	1	1/23
2	Cát xét	2	2/23
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/23
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	21/23
5	Thiết bị khác...		
..	.....		

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	141 m <sup>2</sup>

XI	Nhà ăn	316 m <sup>2</sup>
----	--------	--------------------

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Số lượng phòng 23, tổng diện tích 1.792 m <sup>2</sup>	23	1,19 m <sup>2</sup> /HS
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1 Nam/1 Nữ	11	11 Nam/11 Nữ		1 bồn cầu/42 HS Nam 1 bồn cầu/42 HS Nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Chánh Phủ Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2019

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Huỳnh Thị Ngọc Bích*





<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>			<b>2</b>														
1	Hiệu trưởng	1			1														
2	Phó hiệu trưởng	1			1														
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>11</b>			<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>5</b>											
1	Nhân viên văn thư	1					1												
2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ	0			0														
4	Nhân viên y tế	1				1													
5	Nhân viên thư viện	1			1														
6	Nhân viên thiết bị.	1				1													
7	TPT đội	1				1													
8	NV bảo vệ	3						3											
9	NV phục vụ	2						2											

Chánh Phủ Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



*Huỳnh Thị Ngọc Bích*